



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

THÔNG BÁO

KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP

THÁNG III/2019



HÀ NỘI, THÁNG IV/2019

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tháng do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024.37733372; 024.37733090-407

Fax: 024.38358626

Email: son.nguyenhong@imh.ac.vn;

Webside: <http://www.imh.ac.vn>



MỤC LỤC

| | Trang |
|---|--------------|
| I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG III/2019 | 1 |
| 1. Vùng Tây Bắc..... | 1 |
| 2. Vùng Việt Bắc..... | 2 |
| 3. Vùng Đông Bắc..... | 4 |
| 4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ | 5 |
| 5. Vùng Bắc Trung Bộ | 6 |
| 6. Vùng Trung Trung Bộ..... | 7 |
| 7. Vùng Nam Trung Bộ..... | 8 |
| 8. Vùng Tây Nguyên | 10 |
| 9. Vùng Nam Bộ..... | 11 |
| III. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG III/2019 | 12 |
| 1. Đối với cây lúa | 13 |
| 2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp | 15 |
| III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG IV-VI NĂM 2019..... | 18 |
| IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ | 19 |
| V. TÀI LIỆU THAM KHẢO..... | 20 |

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG III/2019

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng III/2019 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ($0,4^{\circ}\text{C}$ đến $3,9^{\circ}\text{C}$) (hình 10).

Hầu hết các khu vực có lượng mưa xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -47mm đến 97mm . (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -54 giờ đến 83 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -11% đến 8%).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng III/2019 ở từng vùng của nước ta như sau:

1. Vùng Tây Bắc

1.1. Diễn biến nhiệt độ

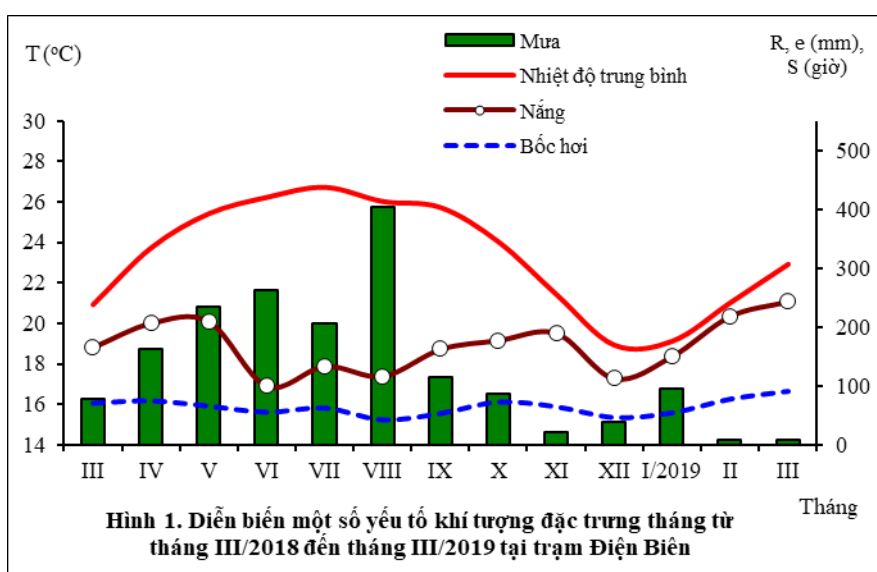
- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ $1,0$ đến $3,6^{\circ}\text{C}$; với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ $16,8^{\circ}\text{C}$ đến $24,8^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ $13,1^{\circ}\text{C}$ đến $20,8^{\circ}\text{C}$, giá trị thấp nhất là $9,1^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 12/III tại Sìn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $22,3^{\circ}\text{C}$ đến $32,1^{\circ}\text{C}$, giá trị cao nhất là $36,6^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 21/III tại Mai Châu. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian từ tháng III đến tháng III/2019 tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

1.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng III/2019 ở khu vực Tây Bắc dao động phổ biến từ



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng III/2018 đến tháng III/2019 tại trạm Điện Biên

9mm đến 51mm, lượng mưa ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -43mm đến -10mm.

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 4mm đến 23mm, cao nhất là 36mm xảy ra vào ngày 29/III tại Tam Đường.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 1 đến 17 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 20 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 5 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng từ tháng III đến tháng III/2019 tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng III/2019 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -75 giờ đến 60 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 49 giờ đến 244 giờ (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng III/2019 dao động từ 66% đến 91%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -13% đến 8%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 20% xảy ra vào ngày 3/III tại Than Uyên.

- Tổng lượng bốc hơi tháng III/2019 có giá trị phổ biến từ 41mm đến 100mm. Lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa (11mm đến 87mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 2 - 9mm.

1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió Tây khô nóng xuất hiện ở một số nơi từ 1 – 8 ngày trong với cường độ nhẹ

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 đến 6 ngày

- Mưa phùn xuất hiện ở một số khu vực từ 1 đến 12 ngày

2. Vùng Việt Bắc

2.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nền nhiệt độ không khí tháng III/2019 vùng Việt Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ($1,5^{\circ}\text{C}$ đến $2,5^{\circ}\text{C}$) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ $15,4^{\circ}\text{C}$ đến $23,1^{\circ}\text{C}$

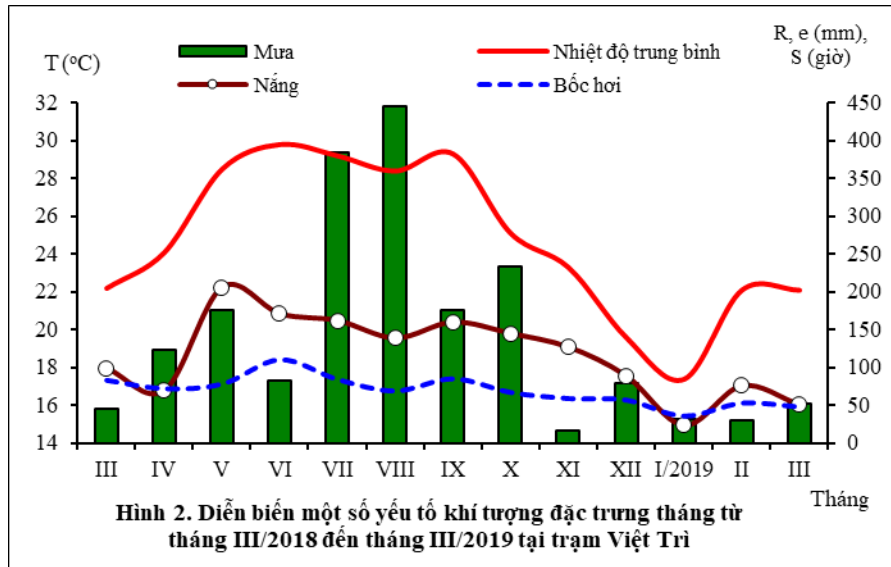
- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ $12,5^{\circ}\text{C}$ đến $20,4^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ không khí thấp nhất là $8,7^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 11/III tại SaPa.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ $19,7^{\circ}\text{C}$ đến $27,3^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ

không khí cao nhất là 34,5⁰C xảy ra vào ngày 21/III tại Bảo Lạc.

2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 4mm đến 92mm; cao nhất là 125mm tại Bắc Quang, lượng mưa phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh TBNN từ -47mm đến 38mm. Diễn biến



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng III/2018 đến tháng III/2019 tại trạm Việt Trì

của tổng lượng mưa tháng từ tháng III đến tháng III/2019 ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 1mm đến 43mm. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 7 - 20 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 7 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 12 ngày.

2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

Tổng số giờ nắng tháng III/2019 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 27 giờ đến 191 giờ, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-18 giờ đến 23 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng III/2019 phổ biến từ 78 đến 89%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-11% đến 7%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 19%, xảy ra vào ngày 3/III tại Mù Căng Chải.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 27mm đến 91mm, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-87mm đến 47mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2mm đến 14mm.

2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện ở một số nơi từ 1 đến 18 ngày.
- Đông xuất hiện ở một số nơi từ 1 – 6 ngày.

3. Vùng Đông Bắc

3.1. Diễn biến nhiệt độ

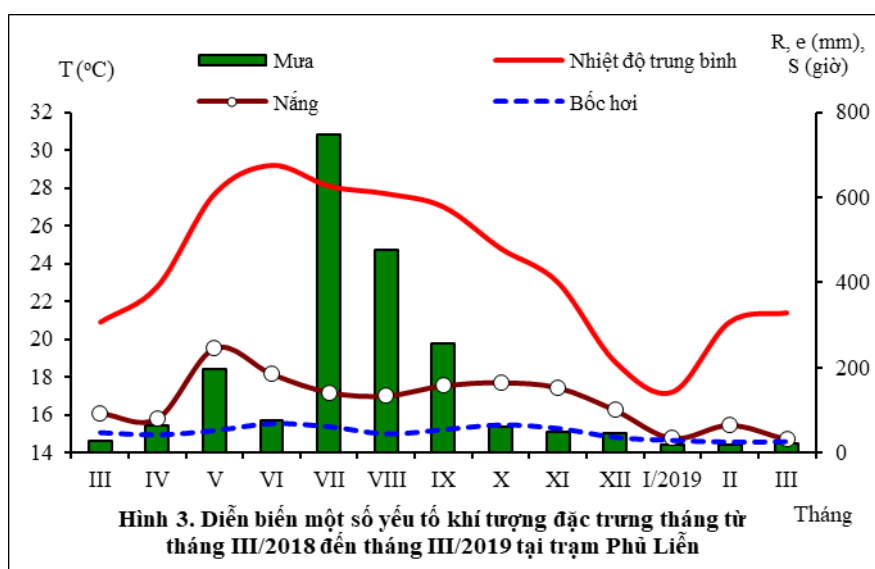
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,8°C đến 2,3°C; có giá trị dao động từ 18,2°C đến 22,1°C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 22,1°C đến 25,2°C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 33,0°C xảy ra vào các ngày 21/III tại Cao Bằng.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 15,9°C đến 20,5°C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 11,1°C xảy ra vào ngày 12/III tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liên được thể hiện trên hình 3.

3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng III/2019 dao động phổ biến từ 22mm đến 78mm, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-26mm đến 29mm) (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 4 đến 32mm, cao nhất là 43mm xảy ra ngày 5/III tại Lạng Sơn.



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng III/2018 đến tháng III/2019 tại trạm Phù Liên

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 9 - 20 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 7 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 9 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liên) ở hình 3.

3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng III/2019 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-27 giờ đến -10 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 22 giờ đến 76 giờ.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng III/2019 ở các nơi dao động phổ biến từ 84 đến 96%, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 3% đến 8%; giá trị

độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 39% xảy ra vào ngày 12/III tại Sơn Động.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 27mm đến 57mm. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa -46mm đến 21mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 2 - 5mm (hình 14).

3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 10 ngày.
- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 4 ngày

4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

4.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 21,4⁰C đến 22,7⁰C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 1,8⁰C đến 2,5⁰C) (hình 10);

- Nhiệt độ không khí cao nhất

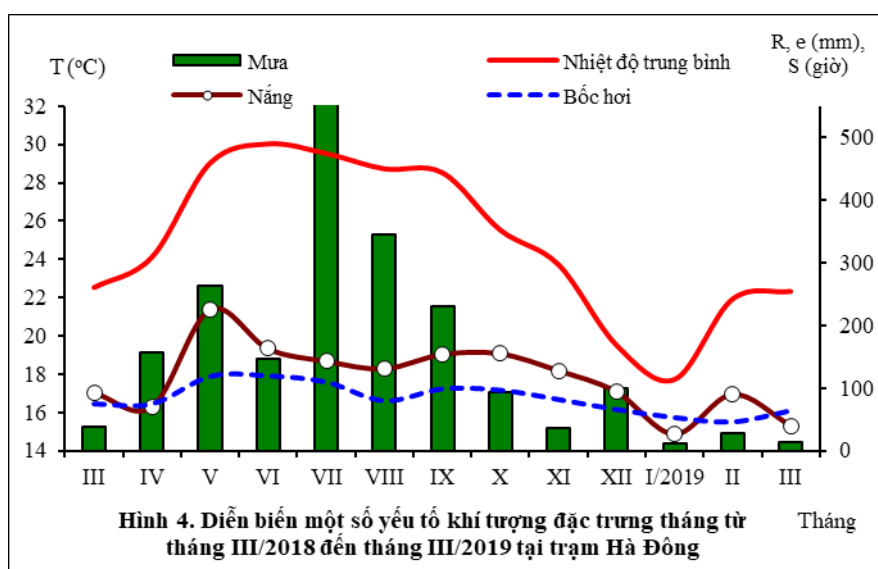
trung bình tháng từ 23,2⁰C đến 25,9⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 31,0⁸C xảy ra vào ngày 21/III tại Láng;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 19,8⁰C đến 20,8⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 15,3⁰C xảy ra vào ngày 25/III tại Bắc Ninh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -28mm đến 13mm (hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 13mm đến 51mm.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 3 đến 24mm, số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 9 đến 16 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 5 ngày; số



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng III/2018 đến tháng III/2019 tại trạm Hà Đông

ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 7 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng III/2019 ở các nơi trong vùng dao động từ 28 giờ đến 51 giờ; có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -16 giờ đến -10 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 81% đến 94%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-6% đến 2%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 48% xảy ra vào ngày 2/III tại Sơn Tây.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 26mm đến 64mm; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 5mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa tháng từ -25mm đến 51mm.

4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 13 ngày.
- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 đến 3 ngày.

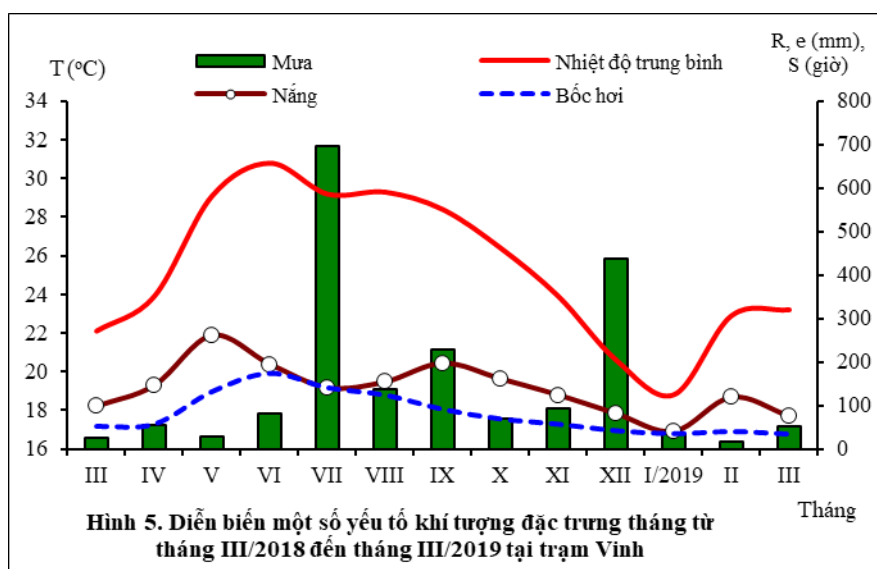
5. Vùng Bắc Trung Bộ

5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ $2,1^{\circ}\text{C}$ đến $3,9^{\circ}\text{C}$ (hình 10) và có giá trị từ $22,3^{\circ}\text{C}$ đến $24,2^{\circ}\text{C}$.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $25,1^{\circ}\text{C}$ đến $29,4^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ cao nhất là $37,8^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 21/III tại Quỳnh Châu.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ $20,4^{\circ}\text{C}$ đến $21,5^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $16,1^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 12/III tại Tĩnh Gia. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng III/2018 đến tháng III/2019 tại trạm Vinh

5.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng III/2019, phần lớn các khu vực có lượng mưa phổ biến từ 12mm đến 76mm, cao nhất là 108mm xảy ra tại Kỳ Anh, tổng lượng mưa tháng xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -25mm đến 35mm (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 3 đến 48mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 6 - 18 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 6 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 13 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 48 đến 131 giờ, tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -10 giờ đến 17 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 84% đến 94%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-5% đến 4%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 31% xảy ra vào ngày 22/III tại Con Cuông.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 28mm đến 73mm, lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 2 - 4mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-75mm đến 38mm).

5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 16 ngày.

- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 – 3 ngày trong đó có từ 1 – 2 ngày có cường độ mạnh.

- Đông xuất hiện ở một số nơi từ 1 – 5 ngày.

6. Vùng Trung Trung Bộ

6.1. Diễn biến nhiệt độ

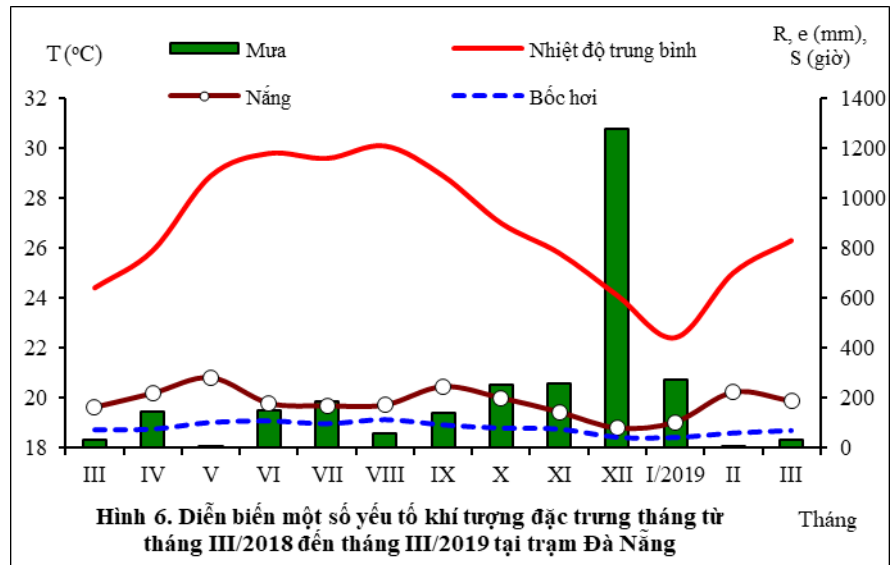
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng III/2019 từ 23,1⁰C đến 26,6⁰C, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (1,7⁰C đến 2,9⁰C) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 27,5⁰C đến 33,1⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 39,3⁰C xảy ra vào ngày 21/III tại Tuyên Hóa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 19,2⁰C đến 24,2⁰C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 16,9⁰C xảy ra vào ngày 1/III tại A Lưới.

6.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa trong tháng III/2019 ở hầu hết các khu vực đều xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -39mm đến 53mm. Lượng mưa tháng phổ biến từ 9mm đến 56mm, cao nhất là 92mm tại Ba Đồn.



- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 3 mm đến 50mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 3 đến 14 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 4 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 23 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng từ tháng III đến tháng III/2019 trên hình 6.

6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 104 giờ đến 226 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-54 giờ đến 83 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 82% đến 90%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -6% đến 4%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 37% xảy ra vào ngày 9/III tại A Lưới.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 22mm đến 80mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 7mm. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-50mm đến 57mm).

6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 5 ngày.

- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 4 ngày trong đó có 1 - 2 ngày có cường độ mạnh.

7. Vùng Nam Trung Bộ

7.1. Diễn biến nhiệt độ

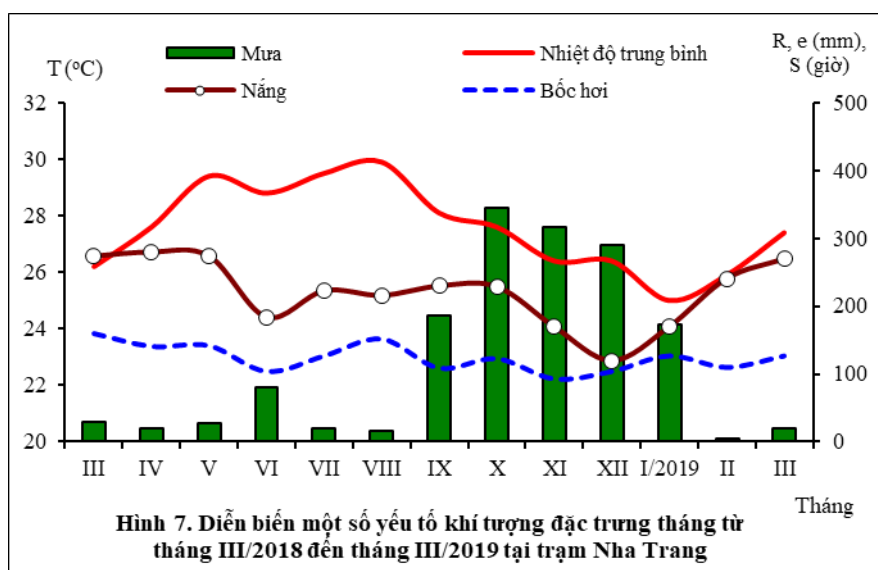
Nhiệt độ không khí trung bình tháng III/2019 từ 26,2⁰C đến 27,9⁰C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 1,2⁰C – 2,0⁰C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 30,3⁰C đến 32,5⁰C giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 35,5⁰C xảy ra vào ngày 10/III tại Tuy Hòa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 22,37⁰C đến 25,2⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 19,9⁰C, xảy ra vào ngày 2/III tại Hoài Nhơn. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang từ tháng III đến tháng III/2019 được thể hiện trên hình 7.

7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng III/2019, ở hầu hết các khu vực ở Bình Định và Phú Yên không mưa, các khu vực khác lượng mưa dưới 20mm. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -24mm đến -



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng III/2018 đến tháng III/2019 tại trạm Nha Trang

(từ -24mm đến -10mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng III đến tháng III/2019 tại trạm Nha Trang được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 1mm đến 17mm.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 1 đến 3 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 2 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 11 đến 31 ngày.

7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng III/2019 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 257 giờ đến 302 giờ; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (10 giờ đến 38 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 73% đến 84%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -2 đến 5% (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 42% xảy ra vào ngày 2/III tại Phan Rang.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 77mm đến 152mm, lượng bốc hơi ngày

cao nhất phổ biến từ 4 đến 8mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa (94mm đến 130mm).

7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió Tây khô nóng xuất hiện 2 ngày ở Tuy Hòa với cường độ nhẹ

8. Vùng Tây Nguyên

8.1. Diễn biến nhiệt độ

Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng III/2019 từ 18,7⁰C đến 27,9⁰C; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,4⁰C đến 1,6⁰C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 25,6⁰C đến 35,2⁰C; giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 37,3⁰C xảy ra vào ngày 22/III tại Ayunpa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 14,1 đến 23,6⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 8,8⁰C xảy ra vào ngày 2/III tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng từ tháng III đến tháng III/2019 ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

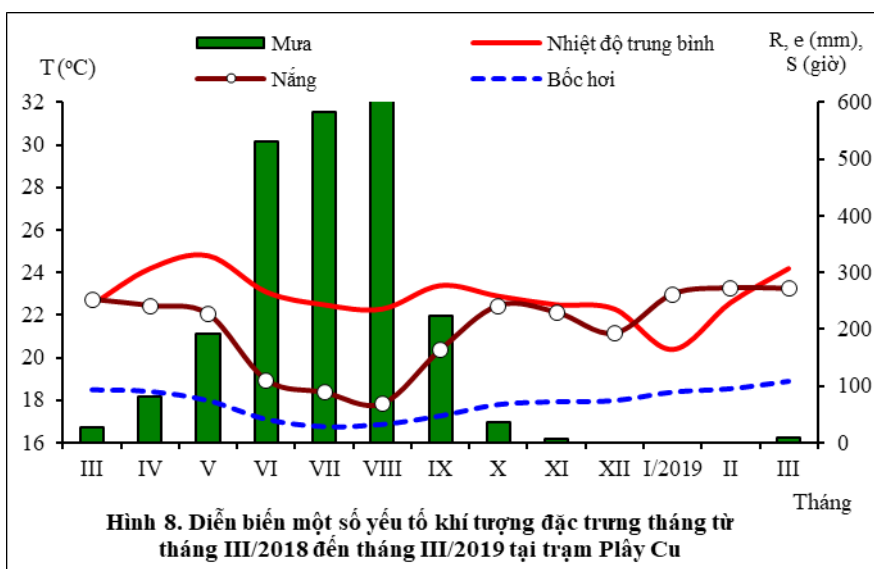
8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng III/2019 ở khu vực Tây Nguyên có lượng mưa 7 đến 100mm, cao nhất là 184mm tại Bảo Lộc. Lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -19mm đến 97mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 5mm đến 55mm. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 1 đến 14 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 4 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 6 đến 29 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng III đến tháng III/2019 tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng III/2019 phổ biến từ 220 giờ đến 271 giờ. Phổ



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng III/2018 đến tháng III/2019 tại trạm Plây Cu

biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-47 giờ đến -10 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -2% đến 5% (hình 13), có giá trị phổ biến từ 69% đến 82%; độ ẩm không khí thấp nhất là 9% xảy ra vào ngày 9/III tại Đắc Tô.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 60mm đến 157mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 7mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa từ -107mm đến 109mm.

8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 13 ngày.
- Gió tây khô nóng xuất hiện ở một số nơi từ 1 – 22 ngày với cường độ nhẹ.

9. Vùng Nam Bộ

9.1. Diễn biến nhiệt độ

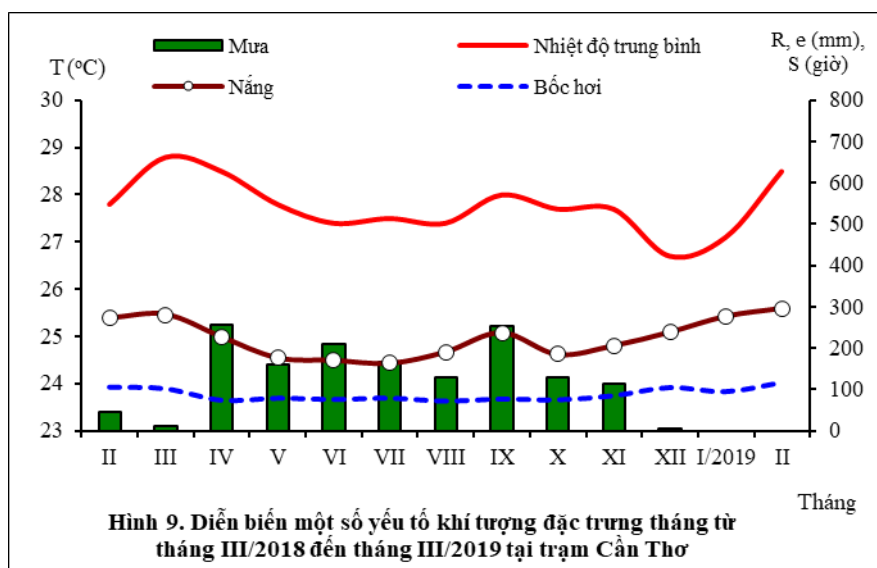
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng III/2019 từ 26,8⁰C đến 29,6⁰C phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-0,5⁰C đến 1,8⁰C) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,6⁰C đến 35,4⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 37,6⁰C xảy ra vào ngày 18/III tại Biên Hòa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 22,4⁰C đến 26,6⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 19,3⁰C xảy ra vào ngày 3/III tại Trị An. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng từ tháng III đến tháng III/2019 tại trạm Cần Thơ.

9.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng III/2019 dao động phổ biến từ 2mm đến 41mm, cao nhất là 106mm xảy ra tại Đồng Phú. Một số khu vực cả tháng không có mưa như Xuân Lộc, Tân Sơn Nhất, Vũng Tàu, Mộc Hóa, Phước Long, Cần Thơ, Sóc



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng III/2018 đến tháng III/2019 tại trạm Cần Thơ

Trăng, Ba Tri, Mỹ Tho. Lượng mưa tháng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-21mm đến -10mm).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 2mm đến 33mm, cao nhất là 38mm xảy ra vào ngày 13/III tại Đồng Phú.

- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 1 đến 7 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 6 đến 31 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 4 ngày.

9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng III/2019 phổ biến từ 243 giờ đến 304 giờ; ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-26 giờ đến 49 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 47% đến 79%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -3% đến 4% (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 25% xảy ra vào ngày 18/III tại Phước Long.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 94mm đến 207mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 8mm; lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa tháng (76mm đến 147mm).

9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện ở một số khu vực từ 1 - 20 ngày.

- Gió Tây khô nóng xuất hiện ở nhiều nơi từ 1 - 20 ngày trong đó có 1 đến 16 ngày có cường độ mạnh.

III. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG III/2019

Điều kiện khí tượng nông nghiệp tháng III/2019 ở nhiều vùng của nước ta đã có nhiều chuyển biến theo hướng thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Ở các tỉnh Miền Bắc nền nhiệt khá, nắng nhiều. Lượng mưa và số ngày mưa đã tăng hơn so với tháng trước, các cơn dông, mưa phùn, mưa rào đã bổ sung phần nào lượng nước thiếu hụt kéo dài nhiều tháng qua, bên cạnh đó lượng bốc hơi trong tháng giảm dẫn đến diện tích bị hạn cũng giảm xuống. Cuối tháng, tiếp tục gieo trồng các loại rau màu còn thời vụ và chăm sóc lúa đang thời kỳ đẻ nhánh. Tuy nhiên, điều kiện thời tiết ẩm, ẩm, số ngày mưa phùn nhiều cũng là điều kiện thuận lợi cho sâu bệnh phát triển

Ở Miền Nam đang trong thời kỳ mùa khô nên một số địa phương vẫn trong tình trạng thiếu nước cho sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, trong tháng đã xuất hiện rải rác các cơn mưa trái mùa ở một số nơi tạo điều kiện thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng và phát triển. Trong tháng các địa phương phía Nam chủ yếu thu hoạch lúa đông xuân; một số tỉnh bắt đầu xuống giống lúa hè thu và gieo trồng rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày vụ hè thu

Tháng chuyển tiếp từ mùa lạnh sang mùa nóng, hay từ mùa mưa ít sang mùa mưa nhiều, nên diễn biến của thời tiết khá hà khắc do các hệ thống thời tiết mùa đông và mùa hạ tranh chấp nhau ảnh hưởng, Hệ quả là có mưa rào và dông nhiều nơi khi không khí lạnh tràn xuống. Các vùng cao và núi cao loại hình thời tiết nguy hiểm như lốc xoáy, gió giật mạnh, mưa đá trong cơn dông xảy ra.

1. Đối với cây lúa

* **Lúa Đông xuân:** Tính cuối tháng III/2019, cả nước đã gieo trồng được 3.087,2 nghìn ha lúa đông xuân, bằng 100,8% cùng kỳ năm trước, bao gồm: Các địa phương phía Bắc đạt 1.088,4 nghìn ha, bằng 99,6%; các địa phương phía Nam đạt 1.998,8 nghìn ha, bằng 101,4%..

Các tỉnh miền Bắc:

Tiến độ gieo trồng lúa Đông xuân cơ bản đã hoàn thành. Thời tiết nắng ấm cùng nguồn nước tưới dồi dào tạo điều kiện thuận lợi cho cây lúa sinh trưởng và phát triển. Lúa đông xuân trên các vùng đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ phần lớn diện tích đang trong thời kỳ đẻ nhánh, trà xuân sớm đã chuyển sang thời kỳ đứng cái. Nhìn chung, do được cảnh báo về tình trạng hạn hán có thể kéo dài nên công tác thủy lợi ở phần lớn các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ đã được chuẩn bị tốt, lúa đông xuân trên các địa bàn có đủ nước tưới dưỡng, trạng thái sinh trưởng từ trung bình đến khá. Các tỉnh thuộc địa bàn miền núi do ảnh hưởng của rét đậm rét hại đầu vụ, nên tiếp tục hoàn thành tiến độ gieo cấy lúa đông xuân trong khung thời vụ cho phép. Tuy nhiên, dự báo thời gian tới mưa nhiều, độ ẩm cao sẽ khiến sâu bệnh gây hại trên lúa diễn biến phức tạp, nhất là bệnh đạo ôn, sâu cuốn lá, sâu đục thân, rầy các loại..., ngành nông nghiệp cần theo dõi sát diễn biến tình hình sâu bệnh, xử lý kịp thời các ổ bệnh để không ảnh hưởng đến sự phát triển của cây lúa

Các tỉnh miền Nam:

Tình trạng khô hạn Nam Trung Bộ và Nam Bộ vẫn chưa được cải thiện,

Nhiều khu vực cả tháng không có mưa: Bình Định, Phú Yên, Xuân Lộc, Tân Sơn Nhất, Vũng Tàu, Mộc Hóa, Phước Long, Cần Thơ, Sóc Trăng, Ba Tri, Mỹ Tho hoặc lượng mưa không đáng kể: các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận lượng mưa dưới 20mm; Bạc Liêu (2mm), Cà Mau (2mm), Tây Ninh (9mm), Châu Đốc (10mm)... trong khi đó với nền nhiệt cao, nắng nóng, đặc biệt khu vực Đông Nam Bộ gió Tây khô nóng xảy ra ở các địa phương, trong đó có những vùng xuất hiện 19, 20 ngày nắng nóng như Tân Sơn Nhất, đồng Phú... làm lượng bốc hơi tháng tăng cao phổ biến từ 77mm đến 207mm cộng thêm gió chướng thổi mạnh gây thiếu nước nghiêm trọng làm nhiều vùng đang phải đối mặt với tình trạng hạn hán, các vùng ven biển ở đồng bằng sông Cửu Long như Tiền Giang, Kiên Giang, Bến Tre... nước mặn tràn vào đe dọa sản xuất nông nghiệp và nguồn nước sinh hoạt của người dân gặp nhiều khó khăn

Khu vực Tây Nguyên tuy lượng mưa và số ngày mưa trong tháng III đã tăng lên so với tháng II nhưng vẫn không đủ nước cho cây trồng sinh trưởng, phát triển. Mặc dù chưa bước vào thời kỳ đỉnh điểm của mùa khô hạn, nhưng hiện nay nhiều hồ, đập thủy lợi ở các tỉnh Tây Nguyên đã sụt giảm nguồn nước nghiêm trọng so cùng kỳ năm trước thậm chí nhiều hồ đã cạn trơ đáy, người dân không còn nước để tưới tiêu cho cây trồng. Hiện nay có khoảng 626ha lúa và màu ở tỉnh Đắk Nông bị thiếu nước tưới. Dự báo, tình hình hạn hán sẽ diễn ra hết sức khốc liệt, đe dọa 30.000ha (gồm 26.000ha cây lâu năm và 4.000ha lúa, màu) trên địa bàn

Tại các địa phương phía Nam, diện tích gieo trồng lúa đông xuân vùng Đồng bằng sông Cửu Long năm nay đạt 1.601,5 nghìn ha, bằng 101,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích lúa tăng chủ yếu ở Cà Mau với 37,9 nghìn ha do chuyển đổi mùa vụ từ lúa mùa sang lúa đông xuân. Đến nay, vùng Đồng bằng sông Cửu Long có 1.042,6 nghìn ha lúa đông xuân cho thu hoạch, chiếm 65,1% diện tích xuống giống, tăng 64,8% so với cùng kỳ năm 2018 do không bị ảnh hưởng bởi mưa lũ và triều cường như năm trước. Tuy nhiên, nắng nóng kéo dài gây ảnh hưởng tới chất lượng và năng suất của những trà lúa sớm. Sản lượng lúa đông xuân toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long ước tính đạt 10,8 triệu tấn, giảm 37,9 nghìn tấn so với vụ đông xuân trước; năng suất ước tính đạt 67,4 tạ/ha, giảm 1,5 tạ/ha.

Cũng đến cuối tháng III, các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long cơ bản hoàn thành thu hoạch lúa vụ mùa 2018-2019. Theo báo cáo sơ bộ của các địa phương,

diện tích gieo trồng toàn vùng đạt 171,7 nghìn ha, giảm 25,6 nghìn ha so với vụ lúa mùa trước; năng suất ước tính đạt 46,4 tạ/ha, tăng 0,3 tạ/ha; sản lượng đạt 797,2 nghìn tấn, giảm 112,3 nghìn tấn. Việc chuyển đổi diện tích từ gieo trồng lúa mùa sang lúa đông xuân tại tỉnh Cà Mau đã ảnh hưởng tới kết quả sản xuất vụ mùa của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đồng thời năng suất lúa giảm do mùa mưa kết thúc sớm, một phần diện tích lúa tằm bị nhiễm mặn dẫn đến sản lượng lúa của tỉnh Cà Mau giảm 206,7 nghìn tấn so với vụ mùa năm trước.

2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Cùng với việc gieo cấy lúa Đông xuân, tính cuối tháng III, các địa phương trong cả nước đã gieo trồng được 346,8 nghìn ha ngô, bằng 102,9% cùng kỳ năm trước; 62,3 nghìn ha khoai lang, bằng 98,9%; 120,8 nghìn ha lạc, bằng 98,2%; 14,9 nghìn ha đỗ tương, bằng 103,5%; 520,8 nghìn ha rau đậu, bằng 102,8%.

Theo Tổng cục Thống kê, quý I năm 2019, Trong quý I/2019, một số cây công nghiệp lâu năm đã cho thu hoạch, trong đó: sản lượng cao su ước tính đạt 121,5 nghìn tấn, tăng 3,6% so với cùng kỳ năm trước; chè búp đạt 86,1 nghìn tấn, tăng 2,6%; hồ tiêu đạt 137,6 nghìn tấn, giảm 1,4%; điều đạt 166,7 nghìn tấn, giảm 8,5%. Sản lượng một số loại cây ăn quả tăng khá: chuối ước tính đạt 528,2 nghìn tấn, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm 2018; cam đạt 375,3 nghìn tấn, tăng 8,6%; dứa đạt 190,2 nghìn tấn, tăng 6,7%; xoài đạt 185 nghìn tấn, tăng 4,8%.

Chè lớn búp hái ở Ba Vì và Mộc Châu, trạng thái sinh trưởng trung bình đến khá; độ ẩm đất trung bình. Chè lớn lá thật thứ nhất ở Phú Hộ, trạng thái sinh trưởng trung bình, đất ẩm

Ngô xuân khu vực Trung du và miền núi đang trong giai đoạn tr[x]cờ, trạng thái sinh trưởng bình thường.

Miền Trung lạc đang trong giai đoạn nở hoa, trạng thái sinh trưởng trung bình; đậu tương trong giai đoạn ra quả, nở hoa, trạng thái sinh trưởng trung bình.

Cà phê ở Tây Nguyên đang nở hoa, sinh trưởng tốt trên đất ẩm. Cà phê ở Xuân Lộc trong giai đoạn hình ra hoa và thành quả, trạng thái sinh trưởng trung bình.

Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng III/2019

| Số TT | Các vùng sinh thái nông nghiệp | Trạm | Các giai đoạn phát triển của cây trồng | Trạng thái sinh trưởng của cây trồng | Độ ẩm đất | Tác động của thiên tai, sâu bệnh |
|-------|--------------------------------|-------------|--|--------------------------------------|-----------|----------------------------------|
| 1 | Tây Bắc, Việt Bắc | Mộc Châu | Chè lớn búp hái | Khá | TB | |
| 2 | | Điện Biên | Lúa đông xuân mọc dón | TB | 3cm | |
| 3 | | Văn Chấn | Lúa đông xuân đẻ nhánh | TB | 3cm | |
| 4 | | Tuyên Quang | Lúa đông xuân đẻ nhánh | TB | Ẩm | |
| 5 | Đông Bắc | Uông Bí | Lúa đông xuân đẻ nhánh | Khá | 3cm | |
| 6 | | Lạng Sơn | Ngô trở cò | TB | TB | |
| 7 | | | Lúa đông xuân mọc mầm | TB | Quá ẩm | |
| 8 | | Bắc Giang | Lúa đông xuân đẻ nhánh | Khá | 3cm | |
| 9 | Trung du | Phú Hộ | Chè lớn lá thật thứ nhất | TB | Ẩm | |
| 10 | Bắc Bộ | Ba Vì | Chè lớn búp hái | TB | TB | |
| 11 | Đồng bằng sông Hồng | Hà Đông | Lúa đông xuân đẻ nhánh | TB | 3cm | |
| 12 | | Hải Dương | Lúa đông xuân đẻ nhánh | Khá | 4cm | |
| 13 | | Hưng Yên | Lúa đông xuân đẻ nhánh | Khá | Ẩm | |
| 14 | | Nam Định | Lúa đông xuân đẻ nhánh | Khá | 4cm | |
| 15 | | Ninh Bình | Lúa đông xuân đẻ nhánh | TB | 3cm | |
| 16 | | Thái Bình | Lúa đông xuân đẻ nhánh | Khá | 3cm | |
| 17 | Bắc Trung Bộ | Yên Định | Lạc nở hoa | TB | TB | |
| 18 | | | Đậu tương ra quả, nở hoa | TB | TB | |
| 19 | | Thanh Hoá | Lúa đông xuân làm đòng | TB | 3cm | |
| 20 | | Quỳnh Lưu | Lúa đông xuân làm đòng | TB | 4cm | |
| 21 | | Đô Lương | Lúa đông xuân làm đòng | TB | 3cm | |
| 22 | Trung Trung Bộ | Huế | Lúa đông xuân trở bông | TB | 3cm | |
| 23 | Nam | Tuy Hoà | Lúa đông xuân chín sữa | Khá | 3cm | |

| | | | | | | |
|----|------------|----------|---------------------------------|-----|-----|--|
| 24 | Trung Bộ | An Nhơn | Lúa đông xuân chín hoàn toàn | Khá | 3cm | |
| 5 | Tây Nguyên | Eakmat | Cà phê nở hoa | Tốt | Âm | |
| 26 | Nam Bộ | Xuân Lộc | Cà phê ra hoa và hình thành quả | TB | | |
| 27 | | Trà Nóc | Lúa đông xuân thu hoạch | | | |
| 28 | | Mỹ Tho | Lúa đông xuân ngâm sữa | TB | 3cm | |
| 29 | | Bạc Liêu | Lúa đông xuân thu hoạch | | | |

3. Tình hình sâu bệnh

Theo số liệu của Cục Bảo vệ thực vật, đến cuối tháng III diện tích lúa bị nhiễm dịch hại như sau:

- *Rầy hại lúa*: Diện tích nhiễm 6.312 ha, nhiễm nặng 204 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và Duyên Hải Nam Trung bộ.

- *Bệnh VL-LXL*: nhiễm nhẹ 207 ha trên lúa Hè Thu sớm ở Long An, Kiên Giang, Cần Thơ. Bệnh xuất hiện trong giai đoạn đẻ nhánh - làm đòng.

- *Bệnh đạo ôn*

+ *Bệnh đạo ôn hại lá*: Diện tích nhiễm 17.485 ha, nặng 914 ha, mất trắng 12,6 ha. Diện tích phòng trừ 16.545 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và Bắc Trung bộ.

+ *Bệnh đạo ôn cổ bông*: Diện tích nhiễm 2.415 ha. Tập trung các tỉnh phía Nam.

- *Bệnh khô vằn*: Diện tích nhiễm 7.949 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, các tỉnh Duyên Hải Nam Trung bộ.

- *Bệnh đen lép hạt*: Diện tích nhiễm 2.509 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam.

- *Bệnh bạc lá*: Diện tích nhiễm 3.631 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Nam bộ.

- *Sâu cuốn lá nhỏ*: Diện tích nhiễm 5.769 ha. Tập trung tại các tỉnh Nam bộ.

- *Chuột*: Diện tích hại 11.075 ha. Phân bố nhiều ở các tỉnh vùng Bắc Trung bộ và các tỉnh Duyên Hải Nam Trung bộ.

- *Ốc brou vàng*: Diện tích hại 3.418 ha. Tập trung nhiều tại các tỉnh phía

Bắc

Trên một số cây trồng khác:

- *Các loại rau, màu*: Bệnh xoắn lá virus trên cây cà chua, bệnh sung rế, bọ nhảy, bệnh mốc sương, sâu tơ, bọ nhảy... gây hại nhẹ đến trung bình.

- *Cây nhãn, vải*: Bệnh chổi rồng nhãn diện tích nhiễm 2.870 ha. Tập trung tại các tỉnh phía Nam.

- *Cây thanh long*: Bệnh đốm nâu diện tích nhiễm 824 ha. Tập trung tại các tỉnh Bình Thuận, Tiền Giang, Long An, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Cây ăn quả có múi*: Bệnh Greening diện tích nhiễm 1.941 ha, nặng 62 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Tiền Giang, Hậu Giang, Vĩnh Long, Kiên Giang, Bình Phước, Nghệ An.

- *Cây cà phê*

+ Bệnh khô cành: Diện tích nhiễm 11.492 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai...

+ Bệnh gỉ sắt: Diện tích nhiễm 8.127 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Khánh Hòa, Gia Lai...

+ Bọ xít muỗi: Diện tích nhiễm 3.577 ha. Tập trung tại Lâm Đồng.

- *Cây chè*: Bọ xít muỗi: Diện tích nhiễm 2.114 ha. Phân bố tại các tỉnh Lâm Đồng, Phú Thọ, Thái Nguyên, Yên Bái, Gia Lai...

III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG IV-VI NĂM 2019

3.1. Nhiệt độ

Nhiệt độ 3 tháng IV-VI năm 2019 có khả năng từ xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở hầu hết diện tích cả nước, với xác suất từ 55 đến trên 77%. Chuẩn sai nhiệt độ được dự báo phổ biến từ 0 đến trên 1,5⁰C

3.2. Lượng mưa

Lượng mưa tháng IV - VI năm 2019 có khả năng từ xấp xỉ đến cao hơn TBNN đa phần diện tích cả nước, với xác suất 44 đến trên 77%; thấp hơn ở Đông Bắc Bộ, Đồng Bằng Bắc Bộ, phía Nam của Bắc Trung Bộ, Bắc Tây Nguyên và một phần Nam Bộ, với xác suất từ 44 đến trên 77%. Chuẩn sai TLM mùa phổ biến từ -200 đến 200mm.

3.3. Hiện tượng cực đoan

Hoạt động của XTNĐ: Số lượng XTNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và ảnh hưởng đến đất liền nước ta có khả năng ở mức xấp xỉ TBNN. Mùa bão

năm 2019 có khả năng đến muộn hơn; bão tập trung hoạt động nhiệt hơn vào các tháng cuối mùa và ảnh hưởng nhiều hơn đến khu vực Trung Bộ.

Gió mùa mùa hè (GMMH) và bắt đầu mùa mưa: Thời điểm bắt đầu GMMH và mùa mưa năm 2019 có khả năng xấp xỉ TBNN ở khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ (khoảng ngày 11-15/V/2019). Cường độ GMMH được nhận định yếu hơn TBNN.

Nắng nóng: Trong các tháng mùa hè năm 2019, nắng nóng được nhận định gay gắt hơn ở Bắc Bộ và Trung Bộ.

Điều kiện khô/hạn ở Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ tiếp tục kéo dài đến hết tháng VIII năm 2019; ở Tây Nguyên và Nam Bộ tiếp tục đến tháng V.

IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng III và trên cơ sở dự báo xu thế thời tiết tháng IV/2019 và dự báo khí hậu 3 tháng IV, V, VI/2019 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Miền Bắc

- Tăng cường các biện pháp phòng trừ sâu bệnh trên lúa xuân và các loại sâu bệnh trên rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày;
- Tăng cường chăm sóc đảm bảo cho lúa đẻ nhánh, mọc dón, làm đồng thuận lợi và các cây trồng khác phát triển thuận lợi;
- Tích cực thực hiện các biện pháp chống hạn bảo đảm đủ nước tưới dưỡng cho lúa đông xuân trở bông vào đầu và trung tuần tháng IV.
- Đề phòng mưa đá, lốc xoáy.

2. Miền Trung:

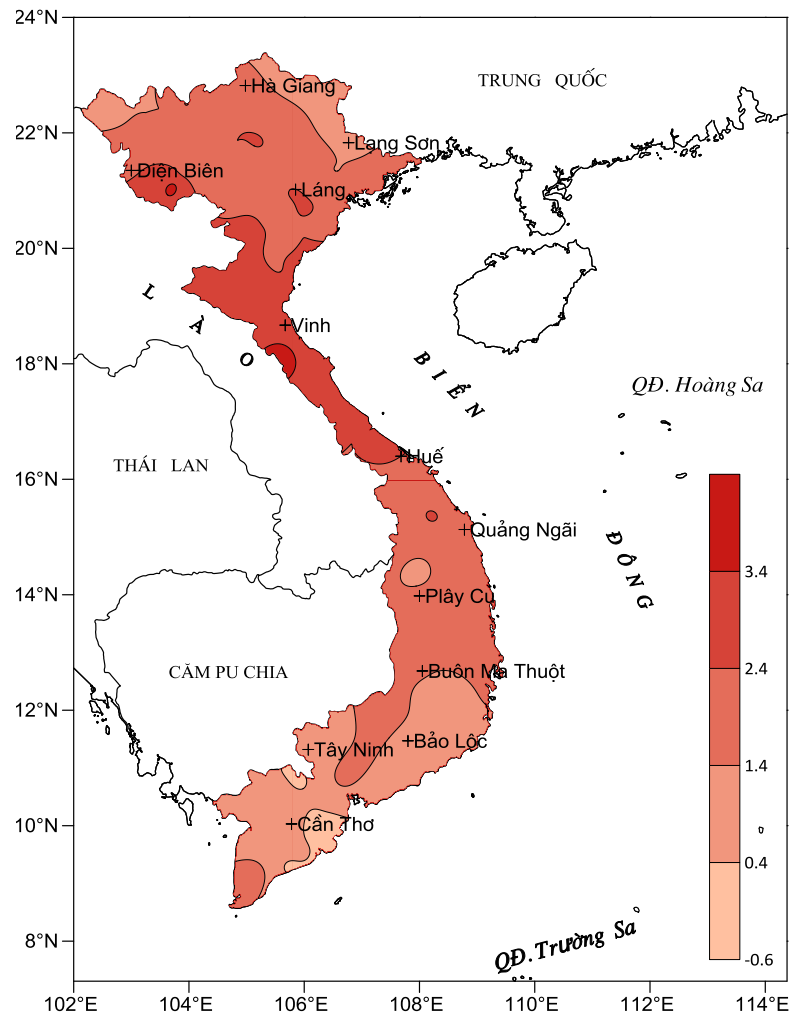
- Tập trung chăm sóc lúa mới trồng và các loại cây rau màu;
- Tăng cường các biện pháp phòng, chống hạn.
- Đề phòng mưa đá, lốc xoáy

3. Miền Nam

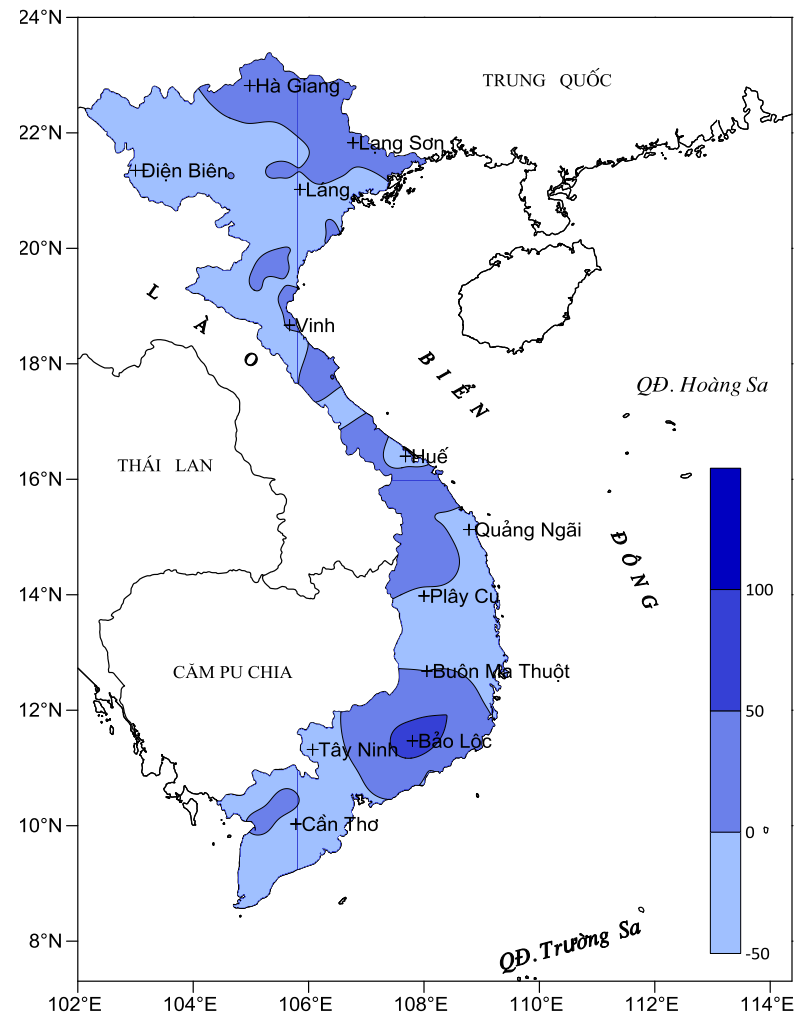
- Tăng cường các biện pháp chống hạn, chống xâm nhập mặn;
- Chăm sóc lúa mùa và lúa xuân đợt muộn đang trong giai đoạn chắc xanh, đảm bảo cho thu hoạch đạt năng suất cao;
- Tích cực phòng trừ sâu bệnh, đặc biệt cần có các biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn bệnh đạo ôn, rầy nâu, bệnh lem lép hạt... và các loại sâu bệnh trên các cây rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây cà phê.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

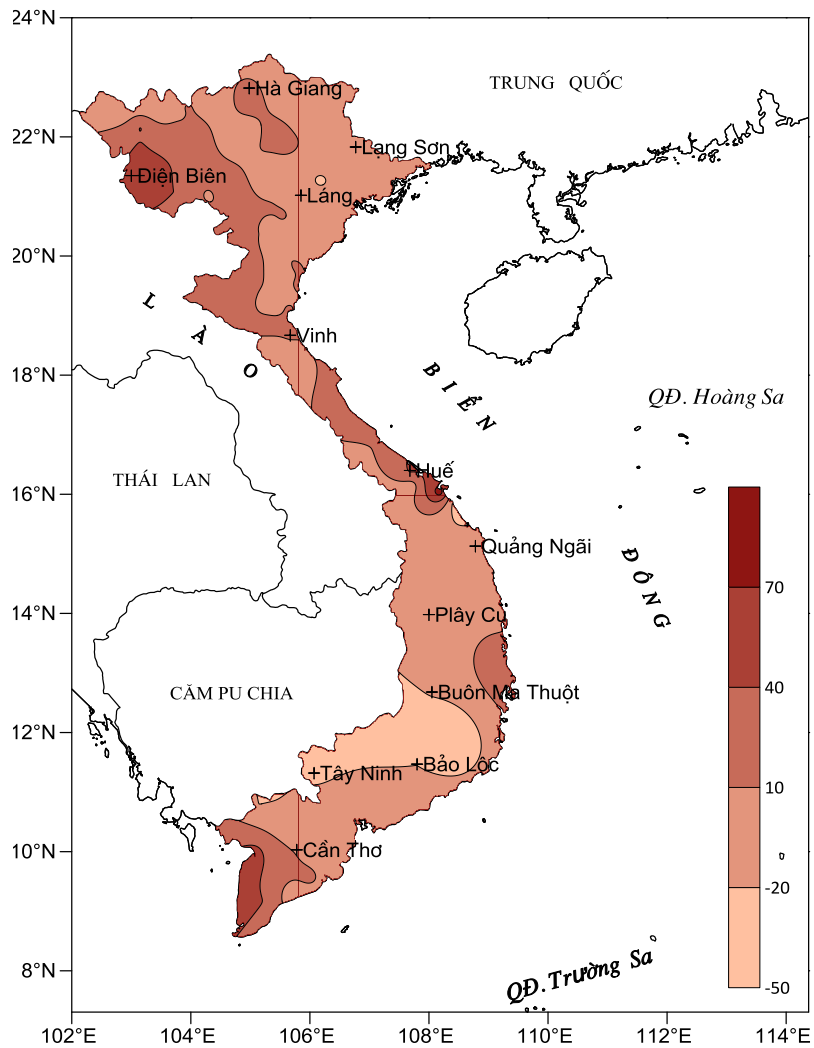
1. Viện Khoa học Khí tượng thuỷ văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng IV, V, VI năm 2019;
2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thuỷ văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng IV năm 2019 các khu vực trên phạm vi cả nước;
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng III năm 2019 ngành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.



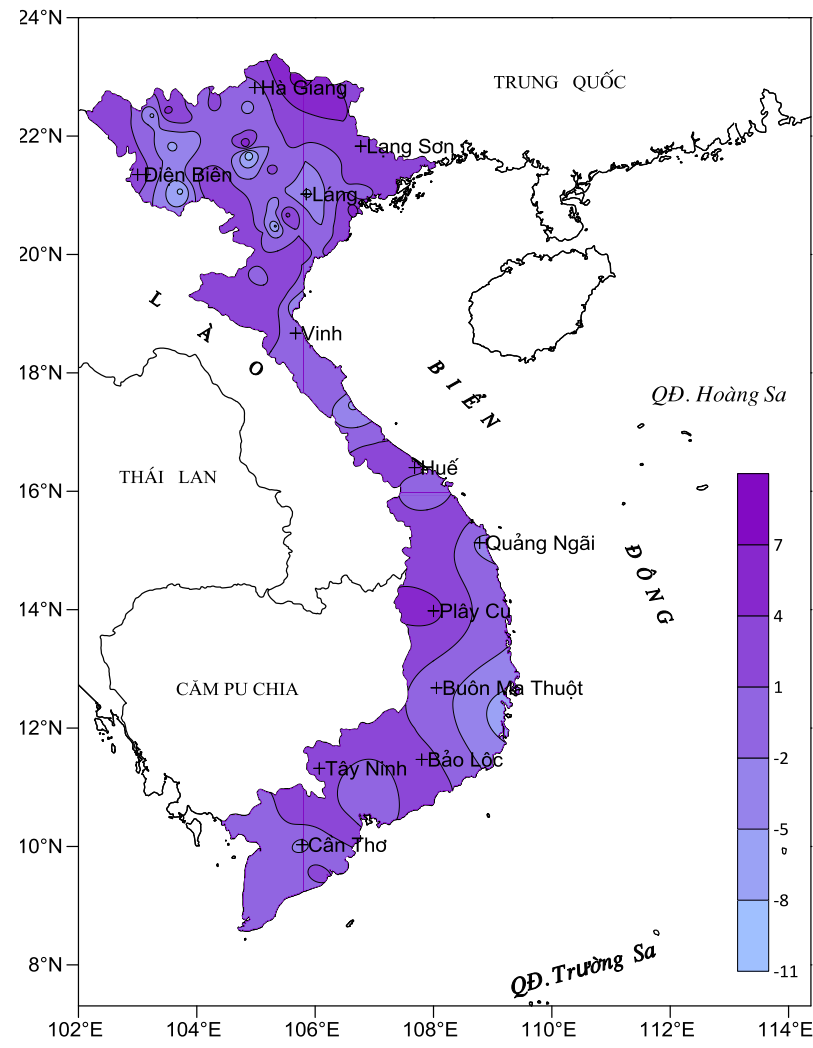
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng III/2019 so với TBNN (°C)



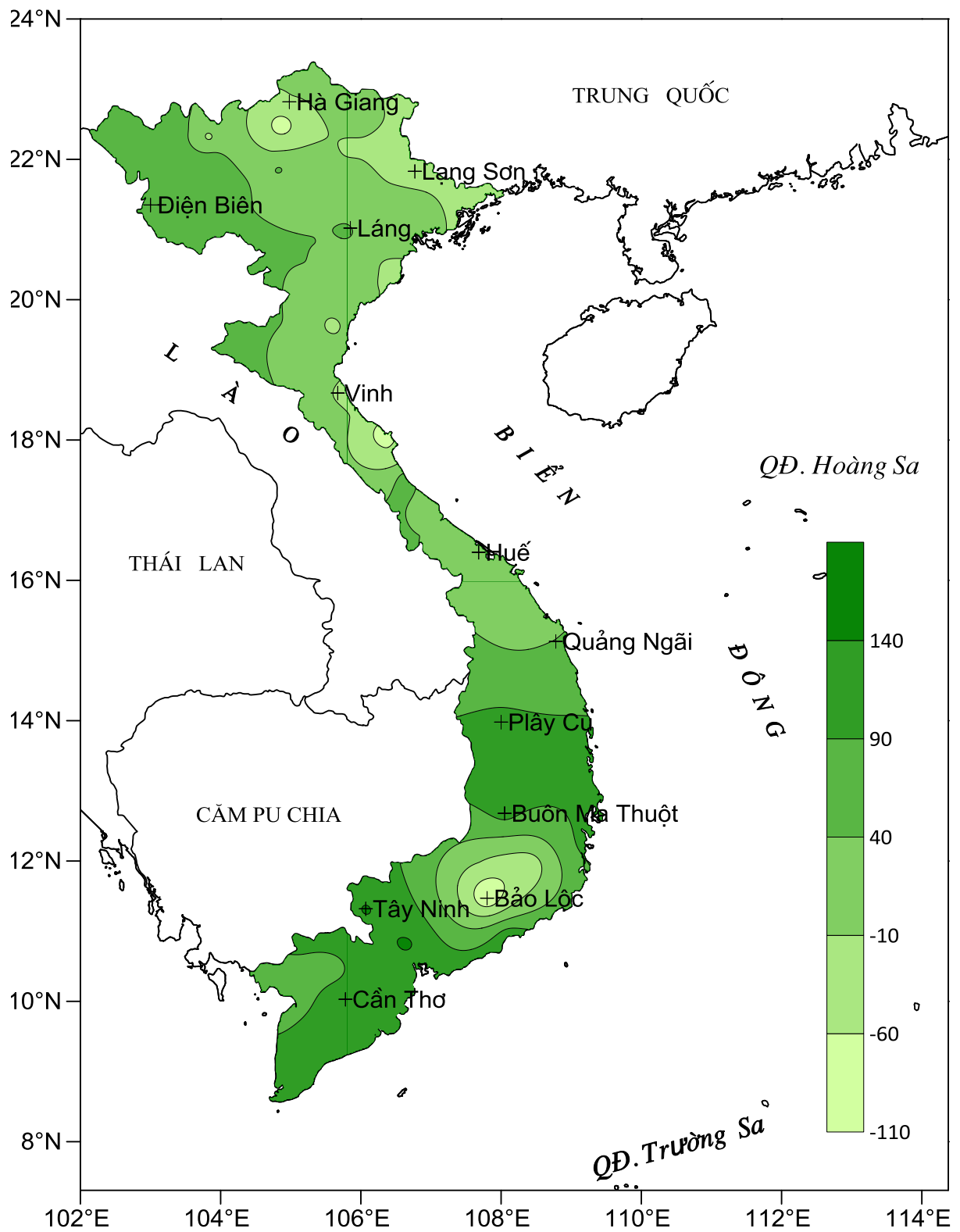
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng III/2019 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng III/2019 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng III/2019 so với TBNN (%)



Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng III/2019 (mm)